



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

**(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 8
3. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	9 – 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019	12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019	13 – 51

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (sau đây viết tắt là “**Kỳ kế toán**”)

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là “**Công ty**”) nguyên là Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được cổ phần hóa theo Quyết định số **3528A/QĐ-UBND** ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 11 năm 2018

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (84-0254) 385 3125
- Fax : (84-0254) 351 1385
- Website : [busadco.com.vn](http://busadco.com.vn)
- E-mail : [busadco@hcm.vnn.vn](mailto:busadco@hcm.vnn.vn)
- Mã số DN : 3 5 0 0 6 1 4 2 1 1

*Hệ thống các Chi nhánh, Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.*

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

### Những vấn đề có ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động của Công ty

- Niên độ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019 là niên độ kế toán đầu tiên của Công ty theo hình thức Công ty Cổ phần.
- Theo Thông báo số 538/TB-SGDHN ngày 21/05/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về ngày giao dịch chính thức 10.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần khoa học Công nghệ Việt Nam, mã chứng khoán BUD là ngày 27/05/2019.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

#### *Hội đồng Quản trị*

- |    |     |                  |                            |
|----|-----|------------------|----------------------------|
| 1. | Ông | Hoàng Đức Thảo   | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. | Ông | Nguyễn Văn Lư    | Thành viên                 |
| 3. | Ông | Nguyễn Văn Sang  | Thành viên                 |
| 4. | Bà  | Nguyễn Thị Hương | Thành viên                 |
| 5. | Ông | Hoàng Đình Nhu   | Thành viên                 |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

- |    |     |                |   |
|----|-----|----------------|---|
| 1. | Ông | Hoàng Đức Thảo | Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. | Ông | Đỗ Anh Tuấn    | Phó Tổng Giám đốc   |
| 3. | Ông | Nguyễn Võ Khoa | Phó Tổng Giám đốc   |
| 4. | Ông | Hồ Văn Thư     | Phó Tổng Giám đốc   |
| 5. | Ông | Tôn Thất Kha   | Phó Tổng Giám đốc   |

#### **Ban Kiểm soát**

- |    |     |                 |                  |
|----|-----|-----------------|------------------|
| 1. | Bà  | Hoàng Thị Thắm  | Quyền Trưởng Ban |
| 2. | Ông | Hoàng Văn Nghĩa | Thành viên       |
| 3. | Bà  | Hoàng Thị Vui   | Thành viên       |

#### **Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

Bà Hoàng Thị Hương

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Kỳ kế toán này.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Toàn Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm từ trang 09 đến trang 51.

## SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Kể từ ngày 01/01/2020, Công ty Khoa học và Công nghệ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam và Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Mọi tài sản, nợ phải trả, vốn góp và các vấn đề khác của các Chi nhánh được điều chuyển về cho Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam tiếp quản và xử lý.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp Toàn Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty 



---

Tổng Giám đốc – Hoàng Đức Thảo

Thành phố Vũng Tàu, ngày 9 tháng 4 năm 2020

Số: 1802.01.04/2020/BCTC-NTV.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI** HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty") cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 kèm theo, được lập ngày 04 tháng 4 năm 2020, từ trang 09 đến trang 51, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (sau đây viết tắt là "Kỳ kế toán")

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh

giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Vấn đề có ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

- Kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019 là kỳ kế toán đầu tiên hoạt động kinh doanh theo loại hình Công ty Cổ phần nên Công ty chưa hoàn tất quy chế lương áp dụng cho Công ty Cổ phần; Vì vậy, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản phải trả người lao động đang có số dư âm (Thuyết minh V.21) do những khoản đã thực chi cho người lao động nhưng Công ty chưa có nguồn bù đắp. Vấn đề đã nêu có liên quan đến việc trình bày các Khoản phải trả người lao động và Chi phí tiền lương trong kỳ kế toán của Công ty.
- Công ty có các khoản phải thu khách hàng và Trả trước người bán tồn đọng là **10.516.891.124** Đồng nhưng chưa được đánh giá và trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính nên có ảnh hưởng đến việc phản ánh giá trị thuần của tài sản tại ngày 31/12/2019 và các khoản có liên quan của Báo cáo tài chính năm 2019.
- Thực hiện hợp đồng EPC số 12/2018/HĐ-EPC ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/2018/PL.HĐ-EPC ngày 08/11/2018 đã ký giữa công ty với Ban Quản lý các Dự án ODA và NGO về việc thi công gói thầu số 16: Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng **Công trình kè biển Cà Mau biển Tây**. Căn cứ Biên bản Tổng nghiệm thu hoàn thành ngày 24/12/2018 đã ký giữa các Bên có liên quan, Công ty đã ghi nhận Doanh thu theo hợp đồng nhưng Giá vốn công trình chưa được ghi nhận đầy đủ do chưa hoàn tất công tác đối chiếu kế toán giữa các đơn vị nội bộ (thuyết minh V.7).
- Liên quan đến **Công trình kè biển Cà Mau biển Đông**, do chưa thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kế toán cần thiết về khoản Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận trong chỉ tiêu Hàng tồn kho (thuyết minh V.7) nên chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến về tính xác thực của các khoản đã nêu

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan của Báo cáo tài chính vì các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam đính kèm đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của toàn Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019,

1.  
3.  
H.  
Đ.  
N.  
0203  
CÔN  
GH NH  
KIỂM  
TÁN T  
Đ.



**Vấn đề cần lưu ý**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho Kỳ kế toán này, Công ty đã chuyển đổi sang Công ty Cổ phần nhưng cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa chưa ra Quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước.

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**



---

**Phó Tổng Giám đốc – Lê Thị Hạ**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số : 0082-2018-124-1

---

**Kiểm toán viên – Võ Công Tuấn**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số : 0486-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2020

348  
G T  
EM HI  
TO  
AM  
- 1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>370.429.167.762</b>	<b>1.510.540.901.673</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.874.688.293	4.085.407.187
111	1. Tiền		1.874.688.293	4.085.407.187
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	10.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		232.520.508.139	1.430.487.665.435
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	91.024.960.583	35.412.778.831
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.150.432.702	3.236.190.147
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	V.5	-	57.788.333.347
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	134.345.114.854	1.334.050.363.110
140	IV. Hàng tồn kho		118.892.189.601	64.734.307.257
141	1. Hàng tồn kho	V.7	118.892.189.601	64.734.307.257
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.141.781.729	11.233.521.794
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	7.031.890.769	10.206.518.561
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.9	52.277.012	4.170.545
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	57.613.948	1.022.832.688
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>58.952.215.947</b>	<b>68.511.212.409</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		212.006.111	212.006.111
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.11	212.006.111	212.006.111
220	II. Tài sản cố định		19.628.419.983	30.963.913.949
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.12	19.628.419.983	30.963.913.949
222	- Nguyên giá		96.159.261.826	92.308.743.109
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.530.841.843)	(61.344.829.160)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.13	-	-
228	- Nguyên giá		117.015.000	117.015.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117.015.000)	(117.015.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.577.213.520	5.992.646.076
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	12.577.213.520	5.992.646.076
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		19.929.854.794	19.728.354.794
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.15	11.933.354.794	11.731.854.794
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.16	7.996.500.000	7.996.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.604.721.539	11.614.291.479
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.17	6.604.721.539	11.614.291.479
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>429.381.383.709</b>	<b>1.579.052.114.082</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Bảng Cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>323.310.562.782</b>	<b>1.479.052.114.082</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>322.877.943.782</b>	<b>1.479.052.114.082</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.18	72.340.532.860	70.157.496.453
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.19	41.082.735.505	42.524.657.984
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.20	16.784.859.515	7.610.063.084
314	4. Phải trả người lao động	V.21	(1.172.622.315)	750.048.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.22	43.138.506.664	45.855.916.888
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.23	124.416.236.782	1.292.631.524.100
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.24	26.287.694.771	19.522.407.573
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>432.619.000</b>	<b>-</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.25	432.619.000	-
<b>400</b>	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>106.070.820.927</b>	<b>100.000.000.000</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.26	<b>106.070.820.927</b>	<b>100.000.000.000</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.26.1	100.000.000.000	100.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.26.2	6.070.820.927	
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.070.820.927	
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>429.381.383.709</b>	<b>1.579.052.114.082</b>

Thành phố Vũng Tàu, ngày 04 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Hoàng Thị Gấm

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Thảo

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.27	306.105.244.796	235.354.832.623
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.28	-	3.172.453.356
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		306.105.244.796	232.182.379.267
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.29	183.241.203.634	155.459.113.146
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		122.864.041.162	76.723.266.121
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.30	12.389.936	11.774.375.830
22	7. Chi phí tài chính	VI.31	1.863.889.024	1.273.376.346
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.863.724.912	1.240.736.691
25	8. Chi phí bán hàng	VI.32	20.125.114.236	17.667.940.411
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.33	93.667.163.765	65.188.410.300
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.220.264.073	4.367.914.894
31	11. Thu nhập khác	VI.34	99.356.372	115.679.529
32	12. Chi phí khác	VI.35	1.001.232.764	3.270.719.801
40	13. Lợi nhuận khác		(901.876.392)	(3.155.040.272)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.318.387.681	1.212.874.622
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.36	247.566.754	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		6.070.820.927	1.212.874.622
61	17. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		6.070.820.927	1.212.874.622

Thành phố Vũng Tàu, ngày 04 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu



Hoàng Thị Gấm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Thảo



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam và các Chi nhánh (sau đây viết tắt là “Công ty”) cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (sau đây viết tắt là “Kỳ kế toán”)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

Ngành nghề kinh doanh :

- Hoạt động công ích trong lĩnh vực thoát nước đô thị: Làm chủ đầu tư, xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải, chất thải rắn và các công trình khác từ nguồn vốn ngân sách do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao; Quản lý các nguồn vốn ODA do UBND tỉnh BR-VT giao để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh; Quản lý khai thác sử dụng hệ thống các hồ điều hò, điều tiết, kênh, mương đê bao, các cống ngăn triều phục vụ yêu cầu thoát nước đô thị; Duy tu, duy trì, bảo vệ, vận hành hệ thống thoát nước tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Kiểm soát các nguồn xả từ các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ quan đơn vị đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị; Quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Dịch vụ Tư vấn xây dựng và Dịch vụ môi trường, Đấu nối hệ thống thoát nước cục bộ vào hệ thống thoát nước chung; Bao tiêu trọn gói hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường và hút hầm vệ sinh cho các tổ chức và hộ gia đình; Thu gom, chuyên chở các loại chất thải sinh hoạt đô thị và công nghiệp.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, các thiết bị, phụ tùng ngành nước và vệ sinh môi trường.
- Nhận thầu thi công xây lắp công trình chuyên ngành cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện dưới 35KV, công trình nạo vét sông, hồ, bến cảng, công trình nông lâm thủy, công trình cầu, đường giao thông vận tải.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

---

- Nghiên cứu ứng dụng các công trình khoa học, công nghệ bảo vệ môi trường; Hợp tác với các tổ chức và các nhà khoa học trong và ngoài nước trong lĩnh vực sáng tạo khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất và đời sống; Cung cấp hoặc chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học; Hợp tác đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành nước và vệ sinh môi trường; Thí nghiệm vật liệu xây dựng, thiết bị phụ tùng ngành nước và vệ sinh môi trường; Kiểm định chất lượng các công trình khoa học.
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đầu tư kinh doanh và quản lý chợ.

**Đặc điểm hoạt động trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

- Căn cứ Quyết định số 173A/QĐ-KHCNVN ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam "Về việc chấm dứt hoạt động của Công ty Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Busadco - Chi nhánh Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu" nhằm thực hiện sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam sau cổ phần hóa. Do vậy tất cả các tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả và các vấn đề liên quan khác của Chi nhánh này được điều chuyển về Văn phòng Công ty tiếp nhận, quản lý.
- Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco (Công ty con) đã sáp nhập vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Công ty con) căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty CP Xây lắp Busadco số 01/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 02 năm 2019 đã thông qua hợp đồng sáp nhập Công ty CP Xây lắp Busadco về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ theo hợp đồng sáp nhập ngày 15/05/2019: Hình thức sáp nhập là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát hành và hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco; tỷ lệ hoán đổi là 1 :1.
- Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện bàn giao các Công trình, dự án thuộc Ban Quản lý dự án của Công ty cho Ban Ban quản lý dự án chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**Cấu trúc công ty**

Các Chi nhánh, Công ty con và Công ty liên kết của Công ty gồm có:

- ❖ **Các Đơn vị trực thuộc: Báo cáo tài chính được hợp cộng vào Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty**

Đơn vị	Mã số doanh nghiệp/ Đơn vị	Địa chỉ
1. Văn phòng Công ty	3500614211	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
2. Công ty Khoa học và Công nghệ – Chi nhánh Công ty cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam	3500614211-003	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Chi nhánh Miền Bắc – Chi nhánh Công ty cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam	3500614211-001	Thôn 6, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

- ❖ **Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

	Hoạt động chính	Mã số doanh nghiệp/ Mã số thuế	Vốn đầu tư của Busadco vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty
1 Công ty CP Xây lắp Busadco (*)	Xây lắp - Thương mại - Dịch vụ	3501758505	3.616.000.000	57,11%
2 Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Xây dựng – Dịch vụ	3501317349	8.115.854.794	68,05%
3 Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Dịch vụ công ích – Xây dựng	3500119584	7.996.500.000	39,98%

- (\*) Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco đã sáp nhập vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, việc sáp nhập được hoàn tất vào ngày 01/09/2019.



## **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu Báo cáo tài chính của kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019 không cùng kỳ so sánh với Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018 do Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu, độ dài của hai kỳ kế toán không tương đồng.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty theo hình thức sở hữu vốn Công ty cổ phần.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

### **Hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc (có hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc). Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp).

038.

ÔNG  
NHIỆM  
TỔNG  
QUẢN

ĐA -

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm Tiền mặt tại quỹ và Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Hàng tồn kho của Công ty được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên

82-C  
TY  
HỮU H  
DÁN  
VIỆT  
T.P.H

## 6. Tài sản cố định

### 6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc và thiết bị	05 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 - 10



### 6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**8. Các khoản đầu tư tài chính**

***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Đầu tư vào công ty con***

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

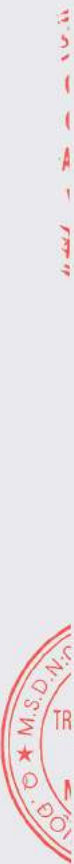
***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.



Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **10. Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

#### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

#### **12. Chi phí phải trả**

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả;; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...)

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắn chắn thời gian phải thanh toán số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **13. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá (dịch vụ), tài sản cho người mua sử dụng.

1020  
CỔ  
ÁCH N  
KIẾ  
HÂN  
S E

(Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong trường hợp : Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm (TSCĐ, BĐSĐT); Tiền lãi nhận trước của khoản cho vay vốn...); Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu (bán hàng/cung cấp dịch vụ) của các kỳ kế toán sau.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

##### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

##### **❖ *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận

doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**16. Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu của hợp đồng xây dựng (HDXD) được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

- a. Trường hợp HDXD qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện HDXD được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- b. Trường hợp HDXD qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HDXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

2-C  
TY  
TƯU H  
IÁN  
VIỆT  
P.H

**17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau) trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

**18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

**19. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên Thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	825.520.305	376.479.357
+ Văn phòng Công ty	672.321.071	355.426.228
+ Công ty Khoa học và Công nghệ	90.611.615	18.514.854
+ Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	1.263.734
+ Chi nhánh Miền Bắc	62.587.619	1.274.541
- Tiền gửi ngân hàng	1.049.167.988	3.708.927.830
+ Văn phòng Công ty	1.048.083.394	2.724.460.318
+ Công ty Khoa học và Công nghệ	-	477.745.252
+ Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	63.296.825
+ Chi nhánh Miền Bắc	1.084.594	443.425.435
<b>Cộng</b>	<b>1.874.688.293</b>	<b>4.085.407.187</b>
<b>2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2019/HĐTĐ.760.600410 ngày 31/7/2019, lãi suất 5,5%. Khoản tiền gửi này dùng để cầm cố bảo lãnh khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Thuyết minh số V.24)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng theo dõi tại các Đơn vị như sau:

3.1 Văn phòng Công ty	74.556.203.294	5.524.317.597
3.2 Công ty Khoa học và Công nghệ	7.203.859.232	13.305.983.702
3.3 Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	2.568.982.075
3.4 Chi nhánh Miền Bắc	9.264.898.057	14.013.495.457
<b>Cộng</b>	<b>91.024.960.583</b>	<b>35.412.778.831</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại Văn phòng Công ty:**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	48.905.950.024	-
- BQLDA cung cấp sản phẩm kênh mương đúc sẵn	9.129.975.000	-
- Trung tâm quản lý các khu xử lý chất thải	4.610.812.535	-
- BQLDA XD Cơ sở hạ tầng TP. Thái Bình (**)	2.949.728.000	2.949.728.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị tỉnh BR - VT (*)	1.893.271.000	29.399.999
- BQLDA Đầu tư nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân	1.316.685.000	-
- BQL công trình Xây dựng Phát triển đô thị (**)	974.446.000	974.446.000
- Nguyễn Văn An (**)	300.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần ĐT và XD HUD 1	250.200.112	-
- Công ty Cổ phần XD và Phát triển Kinh doanh	239.399.500	-
- Công ty Cổ phần LICOGI 16 (**)	233.301.645	233.301.645
- Nguyễn Anh Dũng	216.158.850	-
- Nguyễn Ngọc Uyên	207.739.375	-
- Công ty Cổ phần PT hạ tầng Lũng Lô 251	199.284.400	-
- Nguyễn Bá Hùng	187.717.000	-
- Công ty TNHH Minh Minh (nhà Lồng)	185.010.000	-
- Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Tiến Nông	165.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sài Gòn (**)	122.560.000	122.560.000
- Các đối tượng khác (**)	2.468.964.853	914.881.953
<b>Cộng</b>	<b>74.556.203.294</b>	<b>5.524.317.597</b>

(\*) Khoản phải thu bên liên quan

(\*\*) Nợ phải thu tồn đọng khó thu hồi

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**3.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại Công ty Khoa học và Công nghệ:**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Cấp Thoát Nước Viwaseen 02	1.737.135.000	2.037.135.000
- Công ty TNHH XDCTGT CIENCO 5.9	1.037.575.000	-
- Công ty CP XD Nhà Hoàng Long	762.970.000	999.120.000
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng IDICO	695.740.000	-
- Công ty TNHH MTV VLXD CII E&C	351.725.000	351.725.000
- Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa	333.396.600	333.396.600
- Công ty TNHH TV XDTH Quảng Ninh	326.483.500	326.483.500
- Công ty CP Xây dựng Vận tải Hoàng Ngân	284.643.300	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Minh	239.774.000	397.068.000
- Công ty CP Thương mại và Xây lắp An Phú	236.066.735	236.066.735
- Công ty CP Dịch vụ Môi trường & Công trình Đầu tư Vũng Tàu	230.230.000	-
- Công ty TNHH MTV 508 Lâm Đồng	170.059.000	170.059.000
- Công ty TNHH Long Bình	151.929.772	-
- Công ty TNHH TMXD & DV Môi Trường Đô Thị Huế	117.600.000	217.600.000
- Công ty CP Xây dựng Thương mại số 9	102.992.000	102.992.000
- Công ty TNHH Thương Mại COG	99.658.000	99.658.000
- Công ty TNHH Xây dựng Anh Cường Thịnh	69.906.000	-
- Công ty TNHH ĐT XD 568 Nghệ An	69.330.000	68.174.000
- Công ty CP XD Đầu tư Phát triển Bạch Đằng 15	68.775.000	68.775.000
- Công ty CP Việt Ren	40.480.500	40.480.500
- Công ty CP Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô thị Vinh	39.739.825	39.739.825
- Các đối tượng khác	37.650.000	7.817.510.542
<b>Cộng</b>	<b>7.203.859.232</b>	<b>13.305.983.702</b>

**3.4 Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại Chi nhánh Miền Bắc**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco (*)	1.640.900.829	1.640.900.830
- Công ty Xây dựng Đồng Tâm (**)	1.200.173.500	1.200.173.500
- Ủy ban Nhân dân xã Vũ Trung	914.566.400	1.099.566.400
- Ủy ban Nhân dân xã Hoa Nam (**)	810.922.880	810.922.880
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh (**)	652.316.134	652.316.134
- Ủy ban Nhân dân xã Quang Bình	649.176.400	649.176.400
- Ủy ban Nhân dân xã Thái Xuyên (**)	581.724.100	3.400.620.500
- Ủy ban Nhân dân xã Thái Hưng	570.022.000	570.022.000
- Công ty TNHH Xây dựng Ninh Giang (**)	547.234.800	547.234.800
- Ủy ban Nhân dân xã Vũ Vinh	463.329.800	463.329.800
- Công ty Cổ phần Gia Minh	450.002.014	1.258.920.014
- Ủy ban Nhân dân xã Vũ Thắng (**)	394.960.000	394.960.000
- Công ty TNHH MTV Duyên Hải	366.346.700	416.346.700
- Công ty TNHH An Khánh (**)	10.529.400	10.529.400
- Công ty TNHH TM và DV Tuyệt Anh (**)	9.714.000	9.714.000
- Công ty TNHH Thuyền Đức Phát (**)	1.978.000	1.978.000
- Các đối tượng khác	1.001.100	886.784.099
<b>Cộng</b>	<b>9.264.898.057</b>	<b>14.013.495.457</b>

(\*) Khoản phải thu bên liên quan

(\*\*) Nợ phải thu tồn đọng khó thu hồi

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Trả trước cho người bán ngắn hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:

4.1 Văn phòng Công ty	7.150.432.702	2.520.211.078
4.2 Công ty Khoa học và Công nghệ	-	219.155.859
4.3 Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	496.823.210
<b>Cộng</b>	<b>7.150.432.702</b>	<b>3.236.190.147</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn tại Văn phòng Công ty:**

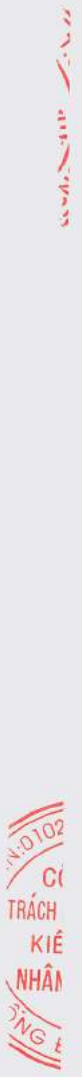
	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*)	3.118.286.115	-
- Chi phí Ban QLDA 3 tuyến Bà Rịa	830.023.757	-
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	493.883.342	-
- Công ty Cổ phần tập đoàn Thiết bị G7	440.550.000	-
- Cửa hàng Kinh doanh Thực phẩm (Đại Lý Tùng)	291.960.000	-
- Công ty VLXD và TTNT Kim Thành Phát	276.200.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật môi trường Kỹ Nguyên (**)	273.381.400	273.381.400
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	271.320.000	-
- Công ty TNHH SX & KD Phúc Thành	166.194.183	-
- Công ty TNHH MTV Đá núi Hòn Sóc	165.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Toàn Thắng (**)	135.000.000	135.000.000
- Bà Trần Thị Phương Anh (Công ty Vũng Áng)	132.787.400	-
- Công ty TNHH Hà Phương Nam	33.885.400	103.099.000
- Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Hồ Nam	41.500.000	624.085.000
- Nhà may Hồng Phát	-	486.000.000
- Các đối tượng khác (**)	480.461.105	898.645.678
<b>Cộng</b>	<b>7.150.432.702</b>	<b>2.520.211.078</b>

(\*) Khoản phải thu bên liên quan

(\*\*) Nợ phải thu tồn đọng khó thu hồi

**5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

- Sở Xây dựng Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	57.347.969.742
- Các công trình khác	-	440.363.605
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>57.788.333.347</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

6.1	Tạm ứng	3.568.578.338	4.541.885.708
6.2	Các khoản phải thu thuộc Ban Quản lý Dự án	84.668.450.491	1.317.169.458.489
6.3	Phải thu khác	46.108.086.025	12.339.018.913
	<b>Cộng</b>	<b>134.345.114.854</b>	<b>1.334.050.363.110</b>

**6.1 Tạm ứng theo dõi tại các Đơn vị như sau:**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Văn phòng Công ty	3.046.371.495	3.156.367.764
- Công ty Khoa học và Công nghệ	288.960.298	1.001.114.794
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	51.039.400
- Chi nhánh Miền Bắc	233.246.545	333.363.750
<b>Cộng</b>	<b>3.568.578.338</b>	<b>4.541.885.708</b>

**6.2 Các khoản phải thu thuộc Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:**

- Tiền gửi tại kho bạc	488.925.481	488.925.481
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.505.348.214	473.086.772.029
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	63.674.176.796	843.593.760.979
<b>Cộng</b>	<b>84.668.450.491</b>	<b>1.317.169.458.489</b>

**6.3 Phải thu khác tại các Đơn vị:**

- Văn phòng Công ty (*)	44.009.158.948	12.205.372.339
- Công ty Khoa học và Công nghệ	-	3.301.242
- Chi nhánh Miền Bắc	2.098.927.077	130.345.332
<b>Cộng</b>	<b>46.108.086.025</b>	<b>12.339.018.913</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

0384

ĐANG  
NHIỆM  
M T I  
TÂM

A -

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**(\*) Phải thu khác tại Văn phòng Công ty:**

- Trần Văn Minh	217.734.932	217.734.932
- Phải thu Thuế TNCN của nhân viên	327.277.950	12.508.066
- Thuế TNCN thù lao tác giả	10.699.837.813	-
- Phải thu Ban Ban quản lý dự án chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (ứng vốn đầu tư)	19.204.546.157	-
- Lãi đầu tư Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	6.020.362.294	6.020.362.294
- Lãi đầu tư Công ty CP Xây lắp Busadco	2.158.243.430	2.158.243.430
- Lãi đầu tư Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.614.897.371	2.494.512.371
- Đào Thị Hồng Thúy	2.000.000.000	-
- Thuế truy thu chờ xử lý	862.852.029	862.852.029
- Phải thu khác	903.406.972	439.159.217
<b>Cộng</b>	<b>44.009.158.948</b>	<b>12.205.372.339</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Ngày 31/12/2019		Ngày 01/11/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.328.258.392	-	7.396.763.561	-
- Công cụ, dụng cụ	1.068.825.048	-	1.093.030.768	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	51.108.563.783	-	26.890.767.027	-
- Thành phẩm	17.528.037.664	-	23.985.429.136	-
- Hàng hoá	219.242.308	-	215.454.400	-
- Hàng gửi bán (*)	44.639.262.406	-	5.152.862.365	-
<b>Cộng</b>	<b>118.892.189.601</b>	-	<b>64.734.307.257</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

- (\*) Trong đó Chi phí sản xuất kinh doanh (ghi nhận tại các khoản mục: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng gửi bán) của các công trình như sau:

- Dự án xây dựng kè cấp bách bảo vệ đê biển Tây và Khu tái định cư gọi tắt là " <b>Công trình kè biển Cà Mau biển Tây</b> "	14.500.734.607
- Dự án xây dựng kè cấp bách bảo vệ đê biển Đông khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy gọi tắt là " <b>Công trình kè biển Cà Mau biển Đông</b> "	46.954.006.552
<b>Cộng</b>	<b>61.454.741.159</b>

Giá trị của Hàng tồn kho đang theo dõi tại các Đơn vị:

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Văn phòng Công ty	51.448.568.482	25.655.377.246
- Công ty Khoa học và Công nghệ Busadco	62.938.093.900	30.161.368.298
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	622.154.111
- Chi nhánh Miền Bắc	4.505.527.219	8.295.407.602
<b>Cộng</b>	<b>118.892.189.601</b>	<b>64.734.307.257</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, tiền thuê mặt bằng được phân bổ trong vòng 12 tháng. Chi phí trả trước ngắn hạn theo dõi tại Công ty Khoa học và Công nghệ. Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
- Số đầu kỳ	10.206.518.561	5.126.334.084
- Tăng trong kỳ	9.664.971.024	13.472.185.281
- Tăng do xác định giá trị DN	-	413.930.914
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ	(12.839.598.816)	(8.805.931.718)
- <b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.031.890.769</b>	<b>10.206.518.561</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

<b>9. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>	<b>52.277.012</b>	<b>4.170.545</b>
---	-------------------	------------------

Khoản thuế GTGT còn được khấu trừ tại Công ty Khoa học và Công nghệ.

**10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	659.199.259
- Thuế Thu nhập cá nhân	57.613.948	363.633.429
<b>Cộng</b>	<b>57.613.948</b>	<b>1.022.832.688</b>

**11. Phải thu dài hạn khác**

Ký cược, ký quỹ dài hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:

- Văn phòng Công ty	202.007.500	202.007.500
- Công ty Khoa học và Công nghệ	9.998.611	9.998.611
<b>Cộng</b>	<b>212.006.111</b>	<b>212.006.111</b>

0102  
 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
 RÁCH KIỆ NHÃI  
 We

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu \ Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
- Ngày 01/11/2018	40.099.699.251	8.393.596.344	40.686.879.986	2.612.107.528	516.460.000	92.308.743.109
- Mua trong kỳ	-	810.500.000	1.477.254.546	-	-	2.287.754.546
- Tặng khác	1.842.341.066	320.745.718	-	-	-	2.163.086.784
- Thanh lý, nhượng bán	-	(300.303.520)	-	(222.618.109)	-	(522.921.629)
- Giảm khác	-	-	-	(77.400.984)	-	(77.400.984)
- Ngày 31/12/2019	<b>41.942.040.317</b>	<b>9.224.538.542</b>	<b>42.164.134.532</b>	<b>2.312.088.435</b>	<b>516.460.000</b>	<b>96.159.261.826</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
- Ngày 01/11/2018	21.640.107.347	6.752.998.900	30.936.225.347	1.499.037.566	516.460.000	61.344.829.160
- Khấu hao trong kỳ	6.905.648.022	1.347.432.883	6.869.824.823	478.825.314	-	15.601.731.042
- Tặng khác	-	100.885.842	-	-	-	100.885.842
- Thanh lý, nhượng bán	-	(261.604.780)	-	(177.513.578)	-	(439.118.358)
- Giảm khác	(71.869.368)	-	-	(5.616.475)	-	(77.485.843)
- Ngày 31/12/2019	<b>28.473.886.001</b>	<b>7.939.712.845</b>	<b>37.806.050.170</b>	<b>1.794.732.827</b>	<b>516.460.000</b>	<b>76.530.841.843</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Ngày 01/11/2018	18.459.591.904	1.640.597.444	9.750.654.639	1.113.069.962	-	30.963.913.949
- Ngày 31/12/2019	<b>13.468.154.316</b>	<b>1.284.825.697</b>	<b>4.358.084.362</b>	<b>517.355.608</b>	-	<b>19.628.419.983</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Tài sản cố định hữu hình tại các Đơn vị vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
- Văn phòng Công ty	46.797.896.575	(34.464.430.633)	12.333.465.942
- Công ty Khoa học và Công nghệ	23.810.788.619	(21.946.607.416)	1.864.181.203
- Chi nhánh Miền Bắc	25.550.576.632	(20.119.803.794)	5.430.772.838
<b>Cộng</b>	<b>96.159.261.826</b>	<b>(76.530.841.843)</b>	<b>19.628.419.983</b>

**13. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình tại Văn phòng Công ty là chương trình phần mềm có nguyên giá là 117.015.000 đã khấu hao hết.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí XDCB dở dang của các dự án, công trình sau:

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Dự án đầu tư xây nhà máy công nghệ tại Thái Bình	3.240.515.276	3.240.515.276
- Dự án đầu tư xây dựng Xưởng đá chiến 7 Thái Bình	276.823.659	276.823.659
- Dự án xây dựng Xưởng công nghệ Nha Trang mới	1.768.388.289	1.768.388.289
- Dự án xây dựng khác	315.150.849	315.150.849
- Chi phí xây dựng làng nghề tại chợ du lịch.	391.768.003	391.768.003
- Chi phí xây dựng xưởng, lán trại thi công tại DA Biển Đông Cà Mau	6.584.567.444	-
<b>Cộng</b>	<b>12.577.213.520</b>	<b>5.992.646.076</b>

**15. Đầu tư vào công ty con**

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	11.933.354.794	8.115.854.794
- Công ty CP Xây lắp Busadco	-	3.616.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.933.354.794</b>	<b>11.731.854.794</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty CP Xây lắp Busadco số 01/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Hội đồng Quản trị đã thông qua hợp đồng sáp nhập Công ty CP Xây lắp Busadco về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Bà Rịa Vũng Tàu

- Theo hợp đồng sáp nhập ngày 15/05/2019: Hình thức sáp nhập là Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát hành và hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco; tỷ lệ hoán đổi là 1:1.
- Công ty nhận sáp nhập đã hoàn tất đăng ký việc sáp nhập tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 5 năm 2019. Tuy nhiên, việc sáp nhập 2 Công ty được hoàn tất vào ngày 01/09/2019.
- Tại ngày 31/12/2019, vốn đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Busadco tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là 65,03%.

16. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết 7.996.500.000 7.996.500.000

Tỷ lệ (%) phần sở hữu của Busadco tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là 39,98% vốn điều lệ của Công ty liên kết.

## 17. Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
- Số đầu kỳ	11.614.291.479	972.105.910
- Tăng trong kỳ	171.292.661	931.300.624
- Tăng do xác định giá trị DN	-	10.698.290.771
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ	(5.180.862.601)	(987.405.826)
- Số cuối kỳ	<b>6.604.721.539</b>	<b>11.614.291.479</b>

Chi phí trả trước dài hạn tại các Đơn vị như sau:

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Văn phòng Công ty	6.587.672.901	10.755.084.160
- Công ty Khoa học và Công nghệ	17.048.638	143.680.809
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	706.710.718
- Chi nhánh Miền Bắc	-	8.815.792
	<b>6.604.721.539</b>	<b>11.614.291.479</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn tại các Đơn vị:

18.1	Văn phòng Công ty	68.432.593.845	30.512.695.322
18.2	Công ty Khoa học và Công nghệ	2.755.693.961	5.637.422.504
18.3	Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	31.910.531.785
18.4	Chi nhánh Miền Bắc	1.152.245.054	2.096.846.842
	<b>Cộng</b>	<b>72.340.532.860</b>	<b>70.157.496.453</b>

**18.1 Phải trả người bán ngắn hạn tại Văn phòng Công ty:**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (*)	26.636.082.644	9.792.310.611
- Công ty TNHH TM COG	3.866.303.599	-
- Công ty TNHH TM Thần Phong	3.536.416.684	-
- Công ty TNHH MMV	2.907.322.180	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hiệp Phước	2.483.236.499	-
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	2.372.069.700	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	1.615.031.840	-
- Công ty TNHH Hoàng Chương	1.591.694.266	-
- Công ty TNHH Nghĩa Thành	1.524.052.251	-
- Công ty TNHH Bảy Tám	1.284.494.500	-
- Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	1.210.244.195	-
- Công ty TNHH Dịch vụ vận tải sông biển Thái Bình Dương	1.188.880.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư TM DV Kim Sơn	1.174.454.620	-
- Công ty TNHH CD Việt Nam	1.043.632.000	-
- Công ty TNHH TM Tổng hợp và Dịch vụ Phương Dung	1.021.179.500	-
- Công ty Cổ phần TM Hóa dầu miền Nam	1.017.300.410	-
- Công ty TNHH Hằng Nguyên	873.652.500	-
- Công ty TNHH TM DV Du lịch Vận tải Thanh Hằng	714.150.000	566.655.800
- Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco (*)	-	16.047.859.930
- Các đối tượng khác	12.372.396.457	4.105.868.981
<b>Cộng</b>	<b>68.432.593.845</b>	<b>30.512.695.322</b>

(\*) Khoản phải trả cho bên liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**18.2 Phải trả người bán ngắn hạn tại Công ty Khoa học và Công nghệ:**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (*)	2.266.383.805	2.154.543.997
- Công ty TNHH TM Vận tải Long Nguyễn	183.670.027	762.689.659
- Công ty TNHH MTV Đại Ánh Dương	122.257.000	101.942.500
- Trung tâm Kiểm định Chất lượng Xây dựng Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	74.000.000	15.070.000
- Công ty TNHH Hằng Nguyễn	48.191.000	199.425.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thuận Khang	29.003.804	-
- Nguyễn Đình Hà	-	829.208.323
- Nguyễn Văn Thành	-	469.885.000
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Hoàng Hảo	-	182.000.006
- Công ty TNHH MTV Anh Duy	-	181.094.364
- DNTN Thương mại Đồng Quê	-	96.025.230
- Công ty TNHH TM DV Đan Tâm	-	88.253.000
- DNTN Xăng dầu Hồng Long	-	87.961.350
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 03	-	67.430.000
- Các đối tượng khác	32.188.325	401.894.075
<b>Cộng</b>	<b>2.755.693.961</b>	<b>5.637.422.504</b>

(\*) Khoản phải trả cho bên liên quan

**18.4 Phải trả người bán ngắn hạn tại Chi nhánh Miền Bắc:**

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuyết Anh	1.079.565.758	1.564.565.758
- Doanh nghiệp tư nhân Xuân Cát	-	281.005.185
- Công ty TNHH Thuyền Đức Phát	41.402.700	179.699.500
- Các khoản khác	31.276.596	71.576.399
<b>Cộng</b>	<b>1.152.245.054</b>	<b>2.096.846.842</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn tại Công ty Khoa học và Công nghệ:**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Công ty TNHH XD Cầu Đường Việt Đức	274.792.300	-
- Công ty CP Hải Phương	188.853.500	188.853.500
- Công ty CP Đức Anh	156.178.799	334.108.800
- Công ty TNHH Xây Dựng SX Tân Thuận	103.043.440	300.000.000
- Công ty TNHH XD và TM Hà Châu	33.611.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Mạnh Linh	17.640.000	27.217.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thịnh Phát	16.282.921	55.470.970
- Công ty TNHH Tổng Công ty Thế Thịnh	5.270.000	5.270.000
- Công ty TNHH XD TM DV ĐT Thịnh Phát	4.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Hoàng Anh	2.396.000	66.054.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	936.000	647.216.000
- Công ty TNHH Xây Dựng TM Trường Thành	265.880	460.444.800
- Các đối tượng khác	-	2.171.827.060
<b>Cộng</b>	<b>803.269.840</b>	<b>4.256.462.130</b>

**19.4 Người mua trả tiền trước ngắn hạn tại Chi nhánh Miền Bắc:**

- Nguyễn Văn Thái	69.750.000	-
- Bùi Mạnh Tiến	27.780.000	-
- Ông Ca	25.520.000	-
- Hoàng Ngọc Vũ	198.000	198.000
<b>Cộng</b>	<b>123.248.000</b>	<b>198.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Ngày 01/11/2018	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Ngày 31/12/2019
- Thuế Giá trị gia tăng	5.597.221.683	21.131.323.180	11.318.206.291	15.410.338.572
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(566.373.616)	966.812.245	-	400.438.629
- Thuế Thu nhập cá nhân	695.583.359	11.162.444.159	11.801.556.122	56.471.396
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	16.913.016	16.913.016	-
- Các loại thuế khác phải nộp	69.393.555	2.000.000	2.002.000	69.391.555
- Phí lệ phí	791.405.415	34.800.000	35.600.000	790.605.415
<b>Cộng</b>	<b>6.587.230.396</b>	<b>33.314.292.600</b>	<b>23.174.277.429</b>	<b>16.727.245.567</b>

**Trong đó:**

- Thuế phải nộp Nhà nước	7.610.063.084			16.784.859.515
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.10)	(1.022.832.688)			(57.613.948)

**Các khoản thuế phải nộp Nhà nước theo dõi tại các Đơn vị như sau:**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Văn phòng Công ty	15.321.230.777	6.315.528.265
- Công ty Khoa học và Công nghệ	-	529.182.770
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	272.575.490
- Chi nhánh Miền Bắc	1.463.628.738	492.776.559
<b>Cộng</b>	<b>16.784.859.515</b>	<b>7.610.063.084</b>

**Thuế Giá trị gia tăng**

Phương pháp tính thuế	: Theo phương pháp khấu trừ
Thuế suất áp dụng	:
- Nước sinh hoạt	: 5%
- Sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ	: 10%

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

### Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Theo công văn số 17652/BTC-CST ngày 03/12/2014 của Bộ Tài Chính thì Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu Công ty đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu từ việc kinh doanh các hàng hoá sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ trên 70% tổng doanh thu thực hiện thì được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

Năm đầu tiên Công ty được công nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ là 2009.

### Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

### Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

## 21. Phải trả người lao động

Phải trả người lao động theo dõi tại các Đơn vị như sau:

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Văn phòng Công ty	(6.309.445.104)	(6.759.491.358)
- Công ty Khoa học và Công nghệ	3.809.773.850	4.964.877.330
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	620.872.111
- Chi nhánh Miền Bắc	1.327.048.939	1.923.789.917
<b>Cộng</b>	<b>(1.172.622.315)</b>	<b>750.048.000</b>

Tiền lương phải trả cho người lao động trong kỳ kế toán này được ghi nhận vào chi phí theo tiền lương thực trả căn cứ vào mức lương của kỳ kế toán trước (Doanh nghiệp Nhà Nước). Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống đơn giá tiền lương cho Công ty cổ phần để trình Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

3848  
NG T  
HIỆM H  
M TC  
TÂM  
ĐA -

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

- Phải trả thù lao bản quyền tác giả	2.892.095.687	3.254.482.687
- Phải trả chi phí thi công các công trình thuộc dự án thu gom, xử lý và thoát nước TP. Vũng Tàu	29.946.410.977	29.946.410.977
- Chi phí thi công công trình	10.300.000.000	10.300.000.000
- Chi phí phải trả khác	-	2.355.023.224
<b>Cộng</b>	<b>43.138.506.664</b>	<b>45.855.916.888</b>

Chi phí phải trả ngắn hạn theo dõi tại các Đơn vị như sau:

- Văn phòng Công ty	43.138.506.664	43.500.893.664
- Công ty Khoa học và Công nghệ	-	2.113.047.951
- Chi nhánh Miền Bắc	-	241.975.273
<b>Cộng</b>	<b>43.138.506.664</b>	<b>45.855.916.888</b>

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Kinh phí công đoàn	1.284.383.144	624.207.941
- Bảo hiểm xã hội	3.229.308.666	1.981.531.111
- Bảo hiểm y tế	1.172.248.525	396.675.281
- Bảo hiểm thất nghiệp	379.846.801	170.242.655
- Thuế TNCN hoàn trả nhân viên	88.939.908	126.166.829
- Phải trả về cổ phần hoá (*)	7.564.354.756	7.564.354.756
- Tiền lãi phải trả cho các cổ đông do chậm chuyển sang Công ty Cổ phần	2.782.845.206	2.782.845.206
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	373.119.000
- Phải trả liên quan Ban quản lý dự án (**)	84.668.450.491	1.262.439.902.283
- Nguyễn Ngọc Ánh (nợ liên quan tạm ứng)	6.596.157.352	6.456.856.180
- Đinh Xuân Thịnh (nợ liên quan tạm ứng)	7.416.563.955	3.656.312.542
- Kinh phí tạm ứng để thực hiện đề tài Tây Nam Bộ	4.176.897.830	2.158.317.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.056.240.148	3.900.993.316
<b>Cộng</b>	<b>124.416.236.782</b>	<b>1.292.631.524.100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

(\*) Số phải trả về cổ phần hoá như sau:

- Tiền bán cổ phần Nhà Nước	99.043.424.000	99.043.424.000
- Chuyển nộp tiền bán cổ phần	(92.724.112.200)	(92.724.112.200)
- Trừ chi phí cổ phần hóa	(840.001.467)	(840.001.467)
- Tiền lãi phải trả cho các cổ đông do chậm chuyển sang Công ty Cổ phần	(2.782.845.206)	(2.782.845.206)
- Lợi nhuận và các khoản phải nộp khác	4.867.889.629	4.867.889.629
<b>Cộng</b>	<b>7.564.354.756</b>	<b>7.564.354.756</b>

(\*\*) Khoản phải trả liên quan Ban quản lý dự án bao gồm:

- Phải trả người bán	17.312.625.215	17.312.625.215
- Tiền bán hồ sơ mời thầu	186.973.039	186.973.039
- Phải trả Công ty CP Khoa học Công nghệ (mượn nguồn đầu tư)	19.204.546.157	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	47.964.306.080	1.244.940.304.029
<b>Cộng</b>	<b>84.668.450.491</b>	<b>1.262.439.902.283</b>

Phải trả ngắn hạn khác theo dõi tại các Đơn vị:

- Văn phòng Công ty	119.353.987.404	1.287.407.248.722
- Công ty Khoa học và Công nghệ	3.633.545.587	3.072.247.071
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	557.723.352
- Chi nhánh Miền Bắc	1.428.703.791	1.594.304.955
<b>Cộng</b>	<b>124.416.236.782</b>	<b>1.292.631.524.100</b>

**24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Tình hình biến động các khoản vay trong kỳ

	Tại ngày 01/11/2018	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Tại ngày 31/12/2019
24.1 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	19.232.236.790	102.726.711.361	(99.671.253.380)	22.287.694.771
24.2 Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu	290.170.783	1.439.416.774	(1.729.587.557)	-
24.3 Vay các cá nhân	-	17.200.000.000	(13.200.000.000)	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.522.407.573</b>	<b>121.366.128.135</b>	<b>(114.600.840.937)</b>	<b>26.287.694.771</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**24.1 Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam - Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/600410 ngày 12/7/2019, Các điều khoản cơ bản như sau:

- Hạn mức vay: 25.000.000.000 Đồng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
- Thời gian vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể được phát hành
- Lãi suất vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể được phát hành
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/600410/HĐCC ngày 31/07/2019

**24.3 Khoản vay các cá nhân theo cáo hợp đồng và điều khoản cơ bản như sau:**

	<b>Hoàng Thị Hương</b>	<b>Ngô Thị Lâu</b>
- Số hợp đồng:	Hợp đồng vay vốn số 08/2019/HĐVV	Hợp đồng vay vốn số 01/2019/HĐVV
- Ngày hợp đồng:	Ngày 26/8/2019	Ngày 04/6/2019
- Hạn mức vay:	2.000.000.000 Đồng	2.000.000.000 Đồng
- Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động	Bổ sung vốn lưu động
- Thời gian vay:	1 tháng	8 tháng
- Lãi suất vay:	11,0%/năm	7,3%/năm
- Tài sản đảm bảo:	Tín chấp	Tín chấp
- Số dư tại 31/12/2019	2.000.000.000	2.000.000.000

**25. Phải trả dài hạn khác 432.619.000 -**

Nhận ký quỹ của khách hàng được theo dõi tại Văn phòng Công ty.

**26. Vốn chủ sở hữu**

Stt	Chỉ tiêu	Ngày 01/11/2018	Tăng trong kỳ	Ngày 31/12/2019
26.1	Vốn góp của CSH	100.000.000.000	-	100.000.000.000
26.4	LNST chưa Phân phối	-	6.070.820.927	6.070.820.927
	<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>6.070.820.927</b>	<b>106.070.820.927</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**26.1 Vốn góp của chủ sở hữu**

## ▪ Tình hình cổ phiếu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã chào bán	10.000.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	Cổ phiếu
- <b>Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>Cổ phiếu</b>

## ▪ Chi tiết vốn góp của các Cổ đông như sau:

Cổ đông	Ngày 31/12/2019	Tỷ lệ	Ngày 01/11/2018	Tỷ lệ
- Công ty CP Huy Hoàng Việt	1.100.000	11,00%	1.100.000	11,00%
- Công ty CP Vmat	1.650.000	16,50%	1.650.000	16,50%
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	2.750.000	27,50%	2.750.000	27,50%
- Ông Vũ Quốc Vương	1.411.878	14,12%	-	0,00%
- Ông Hoàng Đức Thảo	1.203.450	12,03%	1.203.450	12,03%
- Bà Nguyễn Thị Trinh	980.769	9,81%	-	0,00%
- Bà Hoàng Thị Thắm	23.082	0,23%	-	0,00%
- Bà Hoàng Thị Vui	2.700	0,03%	-	0,00%
- Ông Tôn Thất Kha	5.300	0,05%	5.300	0,05%
- Ông Đỗ Anh Tuấn	4.200	0,04%	4.200	0,04%
- Ông Hồ Văn Thư	3.300	0,03%	3.300	0,03%
- Ông Nguyễn Võ Khoa	3.900	0,04%	3.900	0,04%
- Các cổ đông khác	861.421	8,61%	3.279.850	32,80%
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP NĂM 2019**

	Đơn vị tính: VND	
	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
<b>27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ phát sinh tại các Đơn vị:		
- Văn phòng Công ty	327.542.895.894	159.919.116.964
- Công ty Khoa học và Công nghệ	68.276.249.244	73.983.042.143
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	73.934.744.053
- Chi nhánh Miền Bắc	38.985.359.095	7.897.367.638
- Giảm trừ doanh thu nội bộ	(128.699.259.437)	(80.379.438.175)
<b>Cộng</b>	<b>306.105.244.796</b>	<b>235.354.832.623</b>
<b>28. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Khoản giảm trừ doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa là hàng bán trả lại phát sinh tại các Đơn vị như sau:		
- Văn phòng Công ty	-	3.080.341.187
- Công ty Khoa học và Công nghệ	-	30.826.363
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	9.000.000
- Chi nhánh Miền Bắc	-	52.285.806
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.172.453.356</b>
<b>29. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng bán của sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ tại các Đơn vị:		
- Văn phòng Công ty	234.308.191.718	103.746.702.844
- Công ty Khoa học và Công nghệ	56.513.445.761	54.952.306.054
- Công ty Dịch vụ và TM Tổng hợp Busadco	-	72.015.627.075
- Chi nhánh Miền Bắc	21.118.825.592	5.123.915.348
- Giảm trừ giá vốn nội bộ	(128.699.259.437)	(80.379.438.175)
<b>Cộng</b>	<b>183.241.203.634</b>	<b>155.459.113.146</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**35. Chi phí khác**

- Chi phí xử lý sản phẩm hỏng	576.862.849	115.779.716
- Các khoản tiền phạt	321.619.938	3.017.882.555
- Chi phí khác	102.749.977	137.057.530
<b>Cộng</b>	<b>1.001.232.764</b>	<b>3.270.719.801</b>

**36. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.318.387.681	1.212.874.622
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	4.637.057.990	3.624.102.726
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	-	(11.712.663.095)
- Chuyển lỗ của các năm trước	(6.004.110.593)	-
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>4.951.335.078</b>	<b>(6.875.685.747)</b>
- Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
- <b>Thuế TNDN theo thuế suất</b>	<b>495.133.508</b>	-
- Thuế TNDN được ưu đãi miễn giảm	(247.566.754)	-
- <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>247.566.754</b>	-

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2019**

Kể từ ngày 01/01/2020, Công ty Khoa học và Công nghệ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam và Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Mọi tài sản, nợ phải trả, vốn góp và các vấn đề khác của các Chi nhánh được điều chuyển về cho Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam tiếp quản và xử lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

**2. Thông tin về các bên liên quan****❖ Xác định bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Cổ đông
- Công ty CP Xây lắp Busadco	Công ty con
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty con
- Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên doanh liên kết
- Ban Tổng Giám đốc	Quản lý điều hành Công ty
- Ông Hoàng Đức Thảo	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
- Bà Hoàng Thị Hương	Kế toán trưởng

**❖ Giao dịch với đơn vị liên quan như sau:**

- Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao của trong kỳ kế toán của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc là **2.937.817.115 Đồng**.
- Chi tiết các giao dịch khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
▪ Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Mua vật tư	6.784.505.200
	Thanh toán tiền mua vật tư	4.412.435.500
▪ Công ty CP Xây lắp Busadco	Chuyển tiền cho Công ty CP Xây lắp	2.017.807.545
	Thuê nhân công	104.781.640
	Thuế GTGT thuê nhân công	10.478.164
	Nhận nợ phải thu từ thuê xe của Công ty Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Busadco	566.332.000
	Chuyển nợ phải thu sang Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.145.312.189
	Chuyển nợ phải trả sang Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.207.232.829
	Chuyển lãi đầu tư phải trả sang Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.158.243.430

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
▪ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Mua hàng hóa, dịch vụ	7.063.935.390
	Cán trừ công nợ với Công ty Hà Phương Nam	69.213.600
	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	3.416.534.988
	Bán hàng hóa	669.127.273
	Thuế GTGT bán hàng hóa	66.912.727
	Thu tiền bán hàng	100.000.000
	Nhận nợ phải thu của Công ty Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Busadco	590.899.000
	Nhận nợ phải thu từ Công ty CP Xây lắp Busadco	14.145.312.189
	Nhận nợ phải trả từ Công ty CP Xây lắp Busadco	2.207.232.829
	Nhận lãi đầu tư phải trả từ Công ty CP Xây lắp Busadco	2.158.243.430
▪ Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thu tiền cổ tức năm 2018	879.615.000
▪ Ông Hoàng Đức Thảo	Tạm ứng tiền thù lao tác giả trong kỳ	300.000.000
	Nộp thuế TNCN của thù lao tác giả	10.762.224.813
▪ Bà Hoàng Thị Hương	Vay tiền	2.000.000.000

❖ Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản phải thu, phải trả các Bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
<b>Các khoản nợ phải thu</b>		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Lãi đầu tư	8.178.605.724
	Phải thu bán hàng	3.534.171.829
	Trả trước tiền mua hàng hóa, dịch vụ	3.118.286.115
- Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Lãi đầu tư	1.614.897.371
- Ông Hoàng Đức Thảo	Tiền thuế TNCN thù lao bản quyền tác giả	10.762.224.813

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
<b>Cộng nợ phải thu</b>		<b>27.208.185.852</b>
<b>Các khoản nợ phải trả</b>		
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Tiền mua vật tư	2.372.069.700
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tiền mua hàng và nhận dịch vụ cung cấp	28.902.466.449
- Ông Hoàng Đức Thảo	Tiền thù lao bản quyền tác giả	2.892.095.687
- Bà Hoàng Thị Hương	Tiền vay	2.000.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>		<b>36.166.631.836</b>

**3. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính kỳ báo cáo**

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 sau đây:

- Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2019 và năm tài chính 2019.
- Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/11/2019.

Thành phố Vũng Tàu, ngày 04 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
		
Hoàng Thị Gấm	Hoàng Thị Hương	Hoàng Đức Thảo